

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I HÀ NỘI
BỘ MÔN KINH TẾ LƯỢNG**

PGS.TS. NGÔ THỊ THUẬN (CHỦ BIÊN)

**GIÁO TRÌNH
THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP
NÔNG NGHIỆP**



HÀ NỘI- 2004

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thương trường là điều tất yếu. Để đưa ra các quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người làm công tác quản trị doanh nghiệp cần nắm được các thông tin về thị trường, khả năng sản xuất và cạnh tranh của doanh nghiệp mình. Trong vai trò cung cấp những thông tin này, thông kê doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng.

Để phục vụ cho yêu cầu đào tạo quản trị các doanh nghiệp nông nghiệp trong tiến trình đổi mới cơ chế quản lý, hoà nhập với các nước trong khu vực và quốc tế, bộ môn Kinh tế lượng, khoa Kinh tế & Phát triển Nông thôn, trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội biên soạn giáo trình “Thống kê doanh nghiệp nông nghiệp”.

Giáo trình “Thống kê doanh nghiệp nông nghiệp” được biên soạn lần đầu để giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh nông nghiệp, kế toán doanh nghiệp và các chuyên ngành kinh tế - xã hội khác.

Giáo trình này còn được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các học viên sau đại học chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh nông nghiệp, các nhà nghiên cứu và các cán bộ quản lý kinh tế ở từng đơn vị cơ sở, ngành nông nghiệp và ở trung ương cũng như ở địa phương.

Giáo trình này gồm 7 chương do PGS.TS. Ngô Thị Thuận là chủ biên. Tập thể giảng viên tham gia biên soạn gồm có:

PGS.TS. Ngô Thị Thuận: viết chương 1, 4, 7 và cùng viết chương 5, 6.

TS. Nguyễn Hữu Ngoan: viết chương 3 và cùng viết chương 6.

ThS. Nguyễn Mộng Kiều: viết chương 2 và cùng viết chương 5

Vì đây là giáo trình được biên soạn lần đầu nên khó tránh khỏi những khiếm khuyết. Tập thể tác giả và bộ môn Kinh tế lượng mong muốn và chân thành cảm ơn sự góp ý và bổ sung của độc giả.

BỘ MÔN KINH TẾ LƯỢNG

CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

Nội dung: I. Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

III. Tổ chức hệ thống thông tin thống kê

1. Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp

1.1. Vai trò của thông tin thống kê trong quản lý doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm thông tin (Information)

Thông tin là một phạm trù được dùng để mô tả các tin tức của một hiện tượng, một sự vật, một sự kiện, một quá trình... đã xuất hiện ở mọi lúc, mọi nơi trong các hoạt động kinh tế-xã hội của con người.

Chẳng hạn, hàng ngày chúng ta nghe bản tin về khí hậu thời tiết, về các tin kinh tế, chính trị trong và ngoài nước. Những tin tức đó là các thông tin mới mẽ được các cơ quan truyền tin cung cấp cho con người rất kịp thời và bổ ích.

Những tin tức khác chúng ta còn biết được thường qua các tài liệu có sẵn. Chẳng hạn, theo số liệu của Bộ kế hoạch & đầu tư, số lượng các doanh nghiệp mới thành lập của Việt nam đến năm 2002 như sau:

Bảng 1.1: Số lượng các doanh nghiệp mới đăng ký qua 3 năm của Việt nam

ĐVT: doanh nghiệp

Diễn giải	2000	2001	2002	Cộng
Doanh nghiệp tư nhân	6412	7087	4871	18370
Công ty trách nhiệm hữu hạn	7304	11038	9162	27504
Công ty cổ phần	726	1534	1565	325
Cộng	14442	19659	15598	49699

Nguồn: Bộ kế hoạch & đầu tư - 2003

(Số liệu chỉ tính những doanh nghiệp đăng ký theo luật doanh nghiệp)

Theo số liệu của Bộ kế hoạch & đầu tư, từ tháng 1/2000 đến tháng 10/2002 gần 50 000 doanh nghiệp mới được đăng ký (bảng 1.1), trong đó chủ yếu là các công ty trách nhiệm hữu hạn.

Trong thực tế, con người thu nhận nhiều loại thông tin, ở các lĩnh vực khác nhau và trên các phương tiện khác nhau.

Các thông tin mà do công tác thống kê thu thập được thì gọi là thông tin thống kê.

Thí dụ: diện tích, năng suất sản lượng lúa, ngô,... của các vùng sinh thái do thông kê thu thập là thông tin thống kê.

Tập hợp nhiều thông tin cùng phản ánh ở 1 hiện tượng, 1 lĩnh vực.. gọi là hệ thống thông tin.

Thí dụ: Hệ thống thông tin về kinh tế; hệ thống thông tin về thị trường; hệ thống thông tin về y tế...

1.1.2. Vai trò của thông tin thống kê đối với doanh nghiệp

Nhìn chung, thông tin giúp cho con người sự hiểu biết, nhận thức tốt hơn về đối tượng, hiện tượng, sự kiện, sự vật... mà con người đã quan sát. Từ đó con người thực hiện hợp lý hơn các công việc cần làm để đạt tới mục đích như mong muốn.

Đối với quản lý kinh tế, hoạt động kinh doanh, quản lý hành chính, thông tin giúp cho các nhà quản trị, các nhà lãnh đạo ra các quyết định đúng đắn về chính sách, về đầu tư, về giải pháp...

Trong nền kinh tế thị trường, thông tin được coi như là một nguồn lực tham gia vào sản xuất kinh doanh. Ai nắm được thông tin thì người đó làm chủ. Vì vậy, sự ra đời, phát triển hay phá sản của một doanh nghiệp đều cần những thông tin thống kê cần thiết.

Chẳng hạn: Doanh nghiệp A có ý định sản xuất hoa và cây cảnh, thì trước hết họ cần phải nắm vững thông tin sau:

- Nhu cầu của thị trường (trong nội bộ địa phương, ngoài địa phương và xuất khẩu) đối với hoa và cây cảnh như thế nào? số lượng và chất lượng ra sao? Thị hiếu và các phong tục tập quán có liên quan tới sử dụng hoa và cây cảnh của bản địa...

- Các quy trình công nghệ sản xuất hoa và cây cảnh đã và đang áp dụng như thế nào? Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của mỗi quy trình? ưu và nhược điểm của mỗi quy trình....?

- Thực trạng về các yếu tố đầu vào: vốn, lao động, đất đai mà doanh nghiệp đã có, sẽ có ra sao?

- Cơ sở vật chất khác: nhà xưởng, văn phòng, các thiết bị máy móc khác như ô tô, máy bơm... như thế nào

- Giá bán hoa, cây cảnh ở các thị trường ra sao? có lãi so với toàn bộ chi phí bỏ ra không?

- Xu hướng phát triển sản xuất hoa, cây cảnh trong tương lai như thế nào?...

Đây là những câu hỏi đặt ra cho doanh nghiệp phải trả lời được trước khi xây dựng các luận chứng kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở cho việc ra quyết định thành lập doanh nghiệp hay không?

Tương tự như vậy, muốn biết doanh nghiệp tồn tại và phát triển, nhà quản lý doanh nghiệp cũng phải biết các thông tin thống kê cần thiết như:

1. Sản lượng hoa, cây cảnh sản xuất ra, bán được trong thời kì nào? Chu kỳ tiêu thụ sản phẩm trong năm?

2. Chất lượng hoa, cây cảnh?

3. So với kế hoạch mức độ đạt được về sản lượng và chất lượng?

4. Chi phí sản xuất cho 1 đơn vị sản phẩm, cơ cấu các khoản chi phí, giá bán sản phẩm, chênh lệch giữa giá bán và giá thành sản phẩm đó? Lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được?

Những thông tin này giúp cho các nhà quản lý nắm chắc thực trạng sản xuất, kinh doanh để ra quyết định tiếp như:

→ Quy mô, sản lượng như thế nào cho hợp lí: (điều chỉnh quy mô)

→ Thị trường tiêu thụ ở đâu có hiệu quả? giá bán ở đâu cao?

→ Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp mình trên các thị trường thế nào? v.v...

Tóm lại: Một doanh nghiệp khi đã thành lập dù lớn hay nhỏ, hoạt động trên bất kì lĩnh vực nào đều đòi hỏi phải có lãi thì mới có thể tồn tại và phát triển được. Vậy yếu tố cơ bản để doanh nghiệp có lãi là doanh nghiệp phải đáp ứng cung sản phẩm đó phù hợp với cầu sản phẩm đó trên thị trường cả thời gian (các tháng trong năm), không gian (các thị trường) và giá cả. Nếu cung vượt cầu hoặc nhỏ hơn cầu đều đưa doanh nghiệp đến chỗ đạt kết quả kinh doanh thấp hơn mức tiềm năng? Để chỉ ra được điều đó các nhà quản trị doanh nghiệp đều cần các thông tin thống kê.

Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển như Nhật, Mỹ, Pháp, Đức.. ngoài thị trường hàng hoá tiêu dùng, hàng hoá tư liệu sản xuất thì thị trường chứng khoán rất phát triển (thị trường chứng khoán là 1 bộ phận của thị trường tài chính).

Các doanh nghiệp không chỉ sản xuất, kinh doanh sản phẩm mà còn kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu... nên doanh nghiệp rất cần vay vốn ngân hàng. Ngân hàng tiếp tục cho doanh nghiệp vay hay không là tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và khả năng thanh toán nợ cũ.

Trên thị trường chứng khoán: giá cổ phiếu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp ... Ở thị trường này, việc mua bán hoàn toàn do hệ thống dịch vụ thông tin hỗ trợ (có 1 số người chuyên trách theo dõi các công ty và bán thông tin cho các nhà đầu tư để kiếm lời). Những thông tin tài chính cần thiết được cung cấp kịp thời và chính xác hoàn toàn đảm bảo theo luật thông tin và những quy định về những chế độ thống kê và kế toán.

Như vậy, ở các tình huống khác nhau của doanh nghiệp, đều đòi hỏi tính tất yếu là phải có thông tin và tăng cường công tác thống kê doanh nghiệp là rất cần thiết.

1.1.3. Chất lượng thông tin

Thông tin có thể được phát sinh, được lưu trữ, được truyền đi, được tìm kiếm, sao chép, xử lý và nhân bản. Thông tin cũng có thể biến dạng, sai lệch hoặc bị phá hủy. Nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng thông tin là *nhiều thông tin* (tức là thông tin từ nguồn phát ra đến nơi nhận bị sai lệch, méo mó).

Thí dụ: vào ngày 28 tháng 6 năm 2002, Hiệp Hội chủ trại nuôi cá da trơn Mỹ tung ra thông tin là các sản phẩm cá tra và Basa philê đông lạnh được bán thấp hơn giá trị hợp lý tại thị trường Mỹ là thông tin không đúng.

Các nguyên nhân dẫn đến nhiều thông tin:

- Nhiều vật lí: là do sự cố kỹ thuật gây ra hoặc do ảnh hưởng của môi trường. Khắc phục nhiều này bằng cách làm đúng kỹ thuật và kiểm tra thường xuyên .

- Nhiều ngữ nghĩa: do ngôn ngữ mà các từ đồng âm dị nghĩa; đồng âm khác nghĩa; đồng nghĩa khác âm, các khái niệm chưa thống nhất, văn phạm không rõ hoặc ngôn ngữ bất đồng.

- Nhiều thực dụng: là nhiều do xuất phát từ lợi ích cá nhân nào đó trong quan hệ xã hội. Nguyên nhân này xảy ra thường xuyên, nhất là trong kinh tế thị trường, do cạnh tranh không lành mạnh.

Thông tin phục vụ cho quản lý doanh nghiệp là *thông tin có ích*. Thông tin có ích là những thông tin đảm bảo 3 yêu cầu: đầy đủ, chính xác và kịp thời.

- Đầy đủ: là đúng và đủ nội dung, các đơn vị, các hiện tượng thuộc phạm vi nghiên cứu. Yêu cầu này có thể do 3 nguyên nhân nhiều ở trên ảnh hưởng.

- Chính xác: là phản ánh đúng tình hình, đúng thực tế hiện tượng điều mà con người cần biết, có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến mức độ chính xác của thông tin. Đây là yêu cầu cơ bản nhất.

- Kịp thời: tức là cung cấp thông tin đúng lúc mà con người cần sử dụng.

1.1.4. Giá trị đặc trưng của thông tin

Thông tin có ích có các giá trị đặc trưng sau đây:

- Là 1 nguồn lực của sản xuất kinh doanh: sản xuất và kinh doanh dựa vào nhiều nguồn lực: đất đai, lao động, vốn... song không thể thiếu thông tin. Một quyết định đúng, kịp thời có giá trị hàng tỷ đồng. Ngược lại nếu ra quyết định sai phải trả giá ghê gớm.

- Là 1 nguồn lực vô giá. Có những thông tin chúng ta không thể mua được, không đủ tiền để mua và ngược lại.

- Có thể sử dụng cho nhiều mục tiêu và sử dụng nhiều lần.

Với các giá trị này, khi sử dụng thông tin cần xử lý thông tin và xây dựng ngân hàng cơ sở dữ liệu cho nề nếp.

1.2. Các loại thông tin

Tùy theo mục đích sử dụng thông tin khác nhau mà người ta có thể phân loại thông tin theo các nhóm thông tin khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại chủ yếu.

- Căn cứ sự biểu hiện của thông tin người ta chia thành hai loại là thông tin bằng số (số lượng) và thông tin thuộc tính (tính chất).

- Căn cứ tính chất liên tục của thông tin người ta chia thành thông tin liên tục (không xác định) và thông tin rời rạc.

- Căn cứ vào lĩnh vực thu thập người ta chia thành thông tin kinh tế, thông tin văn hoá, đời sống, xã hội...

- Căn cứ vào chuyên mục thông tin có thông tin giá cả, thông tin thị trường, kinh tế thế giới, doanh nghiệp, chính sách, xuất nhập...

- Căn cứ vào tính chất phục vụ quản lý doanh nghiệp người ta chia thông tin thành các loại sau:

. Thông tin quyết định: (thông tin chỉ huy): đây là thông tin do các nhà lãnh đạo, nhà quản lý ra quyết định trên cơ sở thông tin đã xử lý.

. Thông tin thu thập: (thông tin ban đầu): là những thông tin do các Phòng, Ban nghiệp vụ (Thống kê - Kế hoạch - Kế toán - Kỹ thuật ...) ghi chép lại. Là kết quả của 3 loại hạch toán: hạch toán thống kê, hạch toán kế toán và hạch toán nghiệp vụ. Đây là thông tin nội bộ, rất quan trọng. Nó phục vụ trực tiếp quản lý doanh nghiệp.

. Thông tin đã xử lý: là những thông tin đã được tổng hợp qua các phương tiện, kỹ thuật (máy tính), nhằm làm phong phú, cô đọng, chọn lọc để cung cấp cho lãnh đạo trước khi ra quyết định. (Do trung tâm thông tin của doanh nghiệp đảm nhận).

Như vậy, hệ thống thông tin có vai trò rất quan trọng trong quản lý doanh nghiệp. Nó có nhiệm vụ phải thu thập thông tin từ bên ngoài doanh nghiệp, xử lý các thông tin đó bằng các phương tiện và nghiệp vụ chuyên môn, cung cấp thông tin cho lãnh đạo và nhu cầu của các tổ chức bên ngoài doanh nghiệp.

Ở các nước phát triển các doanh nghiệp lớn (cỡ công ty) thường tổ chức hệ thống thông tin thành 1 trung tâm thông tin của công ty. Họ trang bị 2% doanh thu để mua máy móc, thiết bị cho trung tâm và 7-30% doanh thu cho lương và các chi phí khác liên quan tới hoạt động của trung tâm thông tin.

Đến đây, chúng ta có thể thấy khá rõ ràng rằng, thống kê doanh nghiệp nhất thiết phải là 1 bộ phận của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.

1.3. Mối quan hệ giữa hệ thống thông tin với các bộ phận khác trong doanh nghiệp

Hệ thống tổ chức giữa hệ thống thông tin với các bộ phận khác trong và ngoài doanh nghiệp được mô tả qua sơ đồ sau:

Qua sơ đồ 1.1 chúng ta thấy:

1. Hệ thống tổ chức 1 doanh nghiệp gồm 3 bộ phận chính:

- Các nhà lãnh đạo (nhà quản trị, nhà kinh doanh): Giám đốc, Phó giám đốc

- Các đơn vị sản xuất - kinh doanh : tổ, đội, phân xưởng, nhà máy...

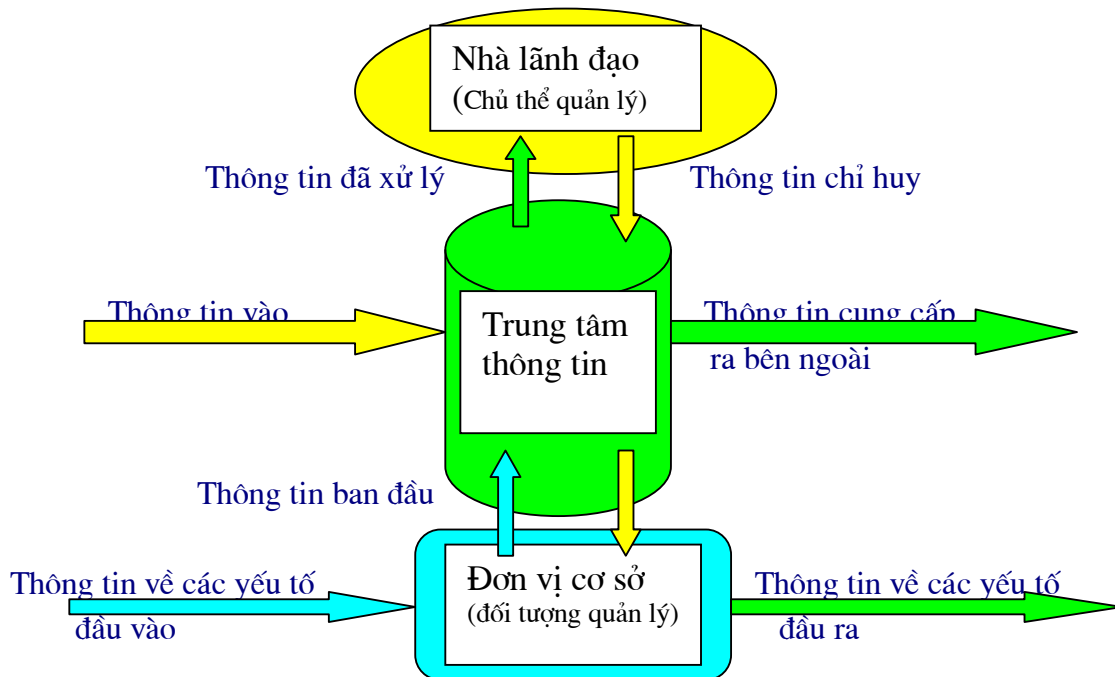
- Phòng, Ban nghiệp vụ (hệ thống thông tin)

2. Hệ thống thông tin có vai trò trung tâm trong quản lý doanh nghiệp

Cụ thể: - Thu thập các thông tin ở bên ngoài: gồm thông tin định hướng từ cấp trên: (Chính phủ, Bộ, Cục, Huyện...) và từ môi trường bên ngoài (Thị trường)

- Xử lý các thông tin trình lãnh đạo và truyền chỉ thị hay quyết định cho các đơn vị sản xuất - kinh doanh.

- Cung cấp thông tin ra ngoài: báo cáo cấp trên hoặc thông báo ra thị trường hoặc làm dịch vụ...



Sơ đồ 1.1: Mối quan hệ giữa hệ thống thông tin với các bộ phận trong doanh nghiệp

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Thống kê doanh nghiệp là một bộ phận của thống kê kinh tế - xã hội, nên đối tượng nghiên cứu của nó hoàn toàn thống nhất với đối tượng nghiên cứu của thống kê kinh tế (thống kê chung). Do phạm vi sử dụng chủ yếu cho doanh nghiệp nên đối tượng nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp chỉ giới hạn trong phạm vi doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

- Thống kê doanh nghiệp nghiên cứu mật lượng của các hiện tượng kinh tế - xã hội xảy ra tại doanh nghiệp trong mối quan hệ chặt chẽ với mật chất ở số lớn các hiện tượng với điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

- Vì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan tới các doanh nghiệp, các ban ngành khác, nên thống kê doanh nghiệp cũng chú ý tới ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế - xã hội - kỹ thuật, tự nhiên ngoài doanh nghiệp tới hoạt động của doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài cơ sở phương pháp luận của thống kê nói chung, cơ sở phương pháp luận của thống kê doanh nghiệp dựa trên chủ nghĩa duy vật biện chứng. Bởi vì:

* Thống kê doanh nghiệp cũng nghiên cứu mật lượng của các hiện tượng trong mối quan hệ chặt chẽ với mật chất mà mối liên hệ giữa lượng và chất, giữa hình thức với nội dung, giữa nguyên nhân với kết quả là đối tượng nghiên cứu của triết học → dựa trên tính tất yếu của mối liên hệ này với các phương pháp nghiên cứu của triết học duy vật biện chứng, thống kê doanh nghiệp xây dựng phương pháp tính toán các chỉ tiêu cho phù hợp.

* Từ phạm trù nhân, quả mà triết học nêu ra, thống kê doanh nghiệp theo dõi các nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh và ngược lại, xem xét ảnh hưởng của kết quả sản xuất kinh doanh tới việc sử dụng các yếu tố đầu vào? ảnh hưởng qua lại giữa kết

quả kinh tế với kết quả xã hội? kết quả của cái chung (toàn doanh nghiệp) của cái riêng (từng sản phẩm, từng bộ phận tổ, nhóm)...

* Từ quy luật mọi sự vật và hiện tượng luôn luôn vận động và phát triển mà triết học đã nêu → Thống kê doanh nghiệp cũng tìm ra quy luật vận động đặc thù của doanh nghiệp mình, tìm các nhân tố ảnh hưởng tới quy luật vận động đó...

Thí dụ: Doanh nghiệp sản xuất hoa và cây cảnh: các Nhà doanh nghiệp thường chú ý: Chu kỳ tiêu dùng sản phẩm (tuần, rằm, ngày lễ, tết...), chủng loại hoa (hoa hồng, hoa đào, hoa ...), giá cả biến động, các yếu tố ảnh hưởng đến cung cầu, giá của các chủng loại hoa, các chính sách chủ trương của đảng và Chính Phủ...

Tóm lại: Cơ sở phương pháp luận của thống kê doanh nghiệp là triết học (duy vật biện chứng, duy vật lịch sử).. Nó là cơ sở khoa học để thống kê doanh nghiệp xây dựng phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê.

Dựa trên cơ sở phương pháp luận của thống kê doanh nghiệp mà các phương pháp chuyên môn của thống kê học đều được vận dụng trong thống kê doanh nghiệp.

3. Tổ chức hệ thống thông tin trong doanh nghiệp

3.1. Tổ chức thu thập thông tin ban đầu: (ghi chép ban đầu)

* **Khái niệm**: Ghi chép ban đầu là ghi chép một nghiệp vụ kinh tế phát sinh đầu tiên từ các đơn vị sản xuất - kinh doanh (đội, cơ sở, nhà máy....)

- Thí dụ: 1. Phiếu thu, chi của kế toán viên
2. Phiếu, hoá đơn bán hàng, nhập kho...
3. Phiếu lĩnh lương, thưởng . . .
4. Bảng chấm công

Tài liệu của ghi chép ban đầu là tình hình diễn biến về sản xuất - kinh doanh của đơn vị mình.

Hạch toán ban đầu cũng bao gồm: hạch toán thống kê, hạch toán kế toán, hạch toán nghiệp vụ trong đó hạch toán thống kê là chủ đạo.

- Hạch toán kế toán: Là việc ghi chép chứng từ, sổ sách nhằm theo dõi các chi phí sản xuất để tính giá thành và tình hình sử dụng vốn trong phạm vi doanh nghiệp. Theo dõi chủ yếu các chỉ tiêu biểu hiện bằng giá trị.

- Hạch toán thống kê: là việc ghi chép các hiện tượng, sự việc phát sinh trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể nhằm nói lên bản chất và tính quy luật của hiện tượng. Nó không chỉ chú ý tới các hiện tượng thuộc lĩnh vực sản xuất- kinh doanh mà còn nghiên cứu các hiện tượng thuộc lĩnh vực khác như đời sống - xã hội và các chính sách tâm vĩ mô. Hệ thống chỉ tiêu biểu hiện bằng cả hiện vật và giá trị.

- Hạch toán nghiệp vụ: là việc ghi chép những hiện tượng phát sinh ở lĩnh vực sản xuất - kinh doanh như: quản lý nhân sự (Phòng Tổ chức: về ốm đau, thôi việc, nghỉ phép, nâng lương...), quản lý máy móc thiết bị (Phòng Hành chính, vật tư: duy trì, bảo dưỡng, khấu hao...), quản lý công nghệ, chất lượng sản phẩm...

Hạch toán nghiệp vụ không có sự kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ của ngành dọc. Nên ở doanh nghiệp chủ yếu có 2 bộ phận nghiệp vụ là kế toán và thống kê.

- Hạch toán kế toán và hạch toán thống kê khác nhau ở đối tượng và hệ thống chỉ tiêu xác định (đã nói ở trên). Song 2 bộ phận hạch toán này có mối liên hệ với nhau rất khăng khít. Trong doanh nghiệp, các thông tin của hạch toán kế toán là nguồn số liệu rất quan trọng của hạch toán thống kê. Ngược lại một số phương pháp của thống kê lại được sử dụng trong phân tích kế toán. Vì vậy 2 loại hạch toán này thống nhất với nhau trong mục đích và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh kế toán và thống kê.

* Những điểm chú ý về Pháp lệnh kế toán thống kê

1. Tất cả các xí nghiệp quốc doanh, công ty hợp doanh, các đơn vị tập thể và tư nhân hoạt động sản xuất - kinh doanh, các cơ quan và tổ chức sử dụng kinh phí của Nhà nước của

đoàn thể phải chấp hành chế độ kế toán thống kê quy định trong Pháp lệnh này. Riêng đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện chế độ kế toán, được Bộ Tài chính và Tổng cục thống kê nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận, chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và thống kê Việt Nam.

2. Công tác kế toán, thống kê phải thống nhất về

- Hệ thống chứng từ ghi chép ban đầu (chứng từ gốc)
- Hệ thống tài khoản và sổ sách
- Hệ thống biểu mẫu báo cáo
- Hệ thống và phương pháp tính các chỉ tiêu kinh tế
- Phân ngành kinh tế quốc dân, loại hình kinh tế, các bản danh mục phân loại, mã hoá và mục lục ngân sách Nhà nước.
- Các đơn vị đo lường
- Niên độ kế toán - thống kê

3. Chứng từ gốc chỉ lập 1 lần, ghi chép đầy đủ, chính xác, lập theo mọi hoạt động kinh tế - tài chính đã phát sinh.

- Chứng từ gốc có đầy đủ chữ kí và dấu của những người có trách nhiệm tùy theo tính chất loại chứng từ

- Phương pháp ghi chép theo đúng quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê quy định.

- Người làm công tác thống kê - kế toán có quyền độc lập về chuyên môn nghiệp vụ.

4. Các điều khoản khác: (Xem Pháp lệnh kế toán và thống kê).

Trong tổ chức ghi chép ban đầu, để thu thập, lưu trữ tài liệu của 3 loại hạch toán trên, thống kê có vai trò chủ trì, tổ chức thu thập các dữ liệu hoặc thông tin ban đầu, xử lý thông tin để phục vụ cho lãnh đạo, các Phòng, Ban... trong và ngoài doanh nghiệp.

3.2. Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp

* Tổ chức mạng lưới thu thập thông tin ban đầu: gồm thông tin nội bộ doanh nghiệp, thông tin ở ngoài (cấp trên, thị trường). Trong việc tổ chức mạng lưới ngoài việc lựa chọn cán bộ thì các nội dung sau cũng cần chú trọng. Đó là cách thu thập, phương pháp thu thập và chế độ báo cáo (nếu có).

* Tổ chức tổng hợp và xử lý số liệu: hiện nay khâu này thực hiện tốt nhất bằng hệ thống mạng máy tính, song cần lưu ý là sử dụng máy tính nào, chương trình gì, trình độ người sử dụng...

* Tổ chức lưu trữ thông tin: Thông tin ban đầu, thông tin đã xử lý cần lưu trữ thành cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý của doanh nghiệp và theo nguyên tắc quản lý cơ sở dữ liệu mà luật doanh nghiệp đã quy định.

* Tổ chức cung cấp thông tin

- Thông tin cung cấp ra ngoài
- Thông tin nội bộ: cho lãnh đạo, các Phòng, Ban...

3.3. Nhiệm vụ của thống kê doanh nghiệp

Thống kê doanh nghiệp là 1 bộ phận của hệ thống thông tin có những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thu thập các thông tin thống kê phản ánh tình hình sử dụng các yếu tố của quá trình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả sản xuất - kinh doanh từng mặt hàng, từng sản phẩm.

- Cung cấp các thông tin cần thiết làm cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phân tích các thông tin đã thu thập được làm cơ sở cho việc ra quyết định, lựa chọn các giải pháp, định hướng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

